

TƯ LIỆU HÁN NÔM ĐÌNH LÀNG TỈNH ĐỒNG NAI

LÊ XUÂN HẬU*

Tư liệu Hán Nôm trong các ngôi đình làng ở Đồng Nai có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, văn học, ngôn ngữ, nghệ thuật..., là một bộ phận không thể thiếu trong di sản văn hóa của địa phương. Các tư liệu Hán Nôm như hoành phi, câu đối, sắc phong, bài vị, văn cúng, văn tế... trong các ngôi đình phản ánh nhận thức, tư tưởng, xu hướng thẩm mỹ, năng lực thẩm mỹ, trình độ văn chương, quan niệm về cái đẹp, kỹ năng chế tác của người xưa. Bài viết làm rõ quá trình tồn tại, phát triển, nội dung, vai trò, giá trị của tư liệu Hán Nôm trong các ngôi đình làng ở Đồng Nai trong văn hóa Đồng Nai và văn hóa Nam Bộ.

Từ khóa: Hán Nôm, đình làng, văn hóa, ngôn ngữ, vai trò, giá trị, bài trí, mỹ thuật

Nhận bài ngày: 13/12/2023; *đưa vào biên tập:* 18/12/2023; *phản biện:* 10/5/2024; *duyet đăng:* 10/6/2024

1. DẪN NHẬP

Cho đến nay, các cứ liệu về lịch sử hình thành đình làng ở Đồng Nai rất ít, cũng không có một tư liệu thành văn nào chỉ dẫn chính xác niên đại hình thành các ngôi đình. Từ thực tế khảo sát, nghiên cứu tài liệu Hán Nôm tại các ngôi đình cụ thể ở Đồng Nai, chúng tôi nhận thấy: Đình làng ở Đồng Nai được hình thành gắn với quá trình di dân, khai khẩn vùng đất mới của cư dân Việt từ miền Bắc, miền Trung vào. Nhiều ngôi đình ở Đồng Nai có niên đại sớm như: đình Tân Lâm (xây dựng năm 1720), đình An Hòa (xây dựng năm 1792), đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh (xây dựng vào cuối thế kỷ XVIII)...

Nguyên thủy các ngôi đình được nhân dân dựng lên bằng tranh tre, vách lá

phục vụ cho nhu cầu tín ngưỡng của cộng đồng nơi vùng đất mới. Trải qua thời gian, đình bị xuống cấp bởi mưa nắng, sự xâm hại của con người... Nhân dân đóng góp công, của trùng tu hoặc xây mới để có diện mạo như ngày nay. Bên cạnh đó, các hoạt động văn hóa, lễ hội gắn với đình làng được người Việt mang từ quê hương bản xứ vào vẫn không ngừng được tài bồi, duy trì. Trải qua hàng trăm năm tồn tại với nhiều tác động từ lịch sử, xã hội, quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa... giá trị văn hóa đình làng ở Đồng Nai (văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể) có những biến đổi đáng kể. Tuy nhiên, các giá trị văn hóa cốt lõi vẫn được cộng đồng tự nguyện duy trì, bảo tồn, phát huy bằng ý thức tự giác, trách nhiệm của mình. Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản (xếp hạng di sản, trùng tu, tôn tạo, phục dựng lễ hội) vẫn được Nhà nước và

* Phân hiệu Học viện Hành chính Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh.

nhân dân duy trì hàng năm. Đình làng vẫn chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống cộng đồng.

Khảo sát của tác giả năm 2019, Đồng Nai có 123 ngôi đình (xem Bảng 1) nằm rải rác ở 9 huyện, thành phố (2 huyện không có đình là Tân Phú và Cẩm Mỹ). Hầu hết các xã, phường đều có đình, nơi ít nhất là 1 ngôi đình, nơi nhiều nhất có đến 11 ngôi đình (là xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa). Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ nhiều ngôi đình bị đốt, phá hủy do hưởng ứng phong trào “tiêu thổ kháng chiến” nên số lượng

lớn tư liệu Hán Nôm (hoành phi, liễn đối, văn cúng văn tế, khuôn in văn cúng tế...) đã bị thất tán. Sau thống nhất đất nước, nhiều địa phương đã xây mới đình trên nền cũ bằng vật liệu hiện đại (các đình ở huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, thành phố Long Khánh...); nhiều ngôi đình ở thành phố Biên Hòa đã đổi tên gọi như: đình Mỹ Khánh đổi thành đền thờ Nguyễn Tri Phương, đình Tân Phú đổi thành đền thờ Trương Công Định, đình Bình Kính đổi thành đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh, đình Tam Hiệp đổi thành đền thờ Đoàn Văn Cự...

Bảng 1. Tổng hợp đình làng của người Việt ở Đồng Nai

STT	Tên huyện, thị	Số lượng	Nhà nước xếp hạng	
			Cấp quốc gia	Cấp tỉnh
1	Thành phố Biên Hòa	41	5	1
2	Thành phố Long Khánh	4		1
3	Huyện Vĩnh Cửu	37		3
4	Huyện Long Thành	15		1
5	Huyện Nhơn Trạch	19		2
6	Huyện Thống Nhất	3		2
7	Huyện Định Quán	2		
8	Huyện Xuân Lộc	1		
9	Huyện Trảng Bom	1		
Tổng		123	5	10

Nguồn: Tác giả thống kê năm 2019.

Do đặc điểm văn hóa của các lớp cư dân vào lập nghiệp tại Đồng Nai có khác nhau về vùng miền, nguồn gốc xuất thân, thời gian định cư, khu vực định cư... nên văn hóa đình làng cũng có nhiều khác biệt giữa các địa phương trong tỉnh. Điều đó thể hiện rõ về lịch sử hình thành đình làng, quy mô kiến trúc, các đặc điểm văn hóa... Trên thực tế đó, có thể phân thành 2

khu vực: (1) Vùng đất cổ gắn với người Việt sinh sống lâu đời (gồm thành phố Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu, huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch). Ở đây, đình làng được kiến tạo với quy mô lớn, tư liệu Hán Nôm rất đa dạng, phong phú, mang nhiều giá trị về văn hóa, lịch sử. (2) Vùng đất mới được người Việt định cư từ khoảng cuối thế kỷ XIX đến nay (gồm

thành phố Long Khánh, huyện Trảng Bom, huyện Thống Nhất, huyện Xuân Lộc, huyện Định Quán) tư liệu Hán Nôm có lịch sử hình thành muộn, số lượng ít, đơn giản về hình thức lẫn nội dung.

Đình làng của người Việt ở Đồng Nai vẫn đang hiện hữu giữa cộng đồng, được cộng đồng gìn giữ, trao truyền, phát huy giá trị, hàng năm vẫn thực hành các nghi lễ (tuy có giản lược một số yếu tố không còn phù hợp, và có sự giao lưu tiếp biến văn hóa, nhưng yếu tố truyền thống vẫn được bảo lưu, phát huy).

2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA TƯ LIỆU HÁN NÔM TRONG ĐÌNH LÀNG NGƯỜI VIỆT Ở ĐỒNG NAI

2.1. Quá trình hình thành của tư liệu Hán Nôm

Tư liệu Hán Nôm có vị trí quan trọng góp phần làm nên giá trị của ngôi đình làng ở Đồng Nai. Các tư liệu Hán Nôm ra đời, tồn tại vào nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau, gắn bó mật thiết với lịch sử hình thành và phát triển của đình làng. Tư liệu Hán Nôm ở Đồng Nai gồm nhiều loại hình khác nhau như: hoành phi, câu đối, sắc phong, bài vị, văn cúng, văn tế đa phần là chữ Hán. Thực tế khảo sát có một số bản văn cúng, văn tế viết bằng chữ Hán đan xen chữ Nôm (số lượng rất ít khoảng 3 bản). Với đặc điểm là vùng đất mới, văn hóa thoáng mở, dễ dung nạp, dễ thích nghi với cái mới, cộng với trình độ chế tác, tập quán văn hóa truyền thống... do vậy, hầu hết trong các ngôi đình làng ở địa

phương không có dựng bia đá chữ Hán (khác biệt cơ bản so với đình làng miền Bắc). Đây có lẽ cũng là đặc trưng nổi bật, riêng có trong các ngôi đình làng ở Đồng Nai nói riêng, Nam Bộ nói chung.

Tư liệu Hán Nôm trong các ngôi đình tồn tại trên nhiều chất liệu khác nhau như: gỗ, giấy, tôn, đồng, xi măng, đá... Trong đó, phổ biến và chiếm số lượng nhiều nhất là chất liệu gỗ. Nghệ nhân dân gian thường chọn loại gỗ quý sau khi xử lý cẩn thận sẽ chạm âm, chạm nổi, chạm lõng chữ Hán lên bề mặt, thường thấy ở hoành phi, câu đối, bài vị, bao lam, khám thờ, bàn thờ, mõ... Cũng có khi chữ Hán được chạm ngược trên chất liệu gỗ thị tạo tấm khuôn in các bản văn cúng, văn tế (văn Trình sanh, Túc yết, Đàn cã). Hiện nay, còn duy nhất đình Bình Điện (thành phố Biên Hòa) lưu giữ khuôn in chữ Hán. Đối với chất liệu giấy (giấy long đằng, giấy dó) thì dùng mực Tàu viết trực tiếp chữ Hán lên bề mặt. Đồng Nai hiện còn 39 đạo sắc phong (sử dụng giấy long đằng); nghi cúng đình, văn cúng, văn tế viết trên giấy dó (một số địa phương còn viết trên giấy hồng điều, giấy học trò...). Chữ Hán được tạo tác trên chất liệu xi măng cũng chiếm số lượng nhiều. Chủ yếu chữ Hán được đắp nổi, hoặc đục âm trên nền xi măng, sau đó sơn màu đỏ, màu vàng lên bề mặt. Cũng có khi chữ Hán được sơn màu trực tiếp lên tường, xi măng. Chữ Hán được đắp, viết với nhiều kích cỡ khác nhau tùy vị trí thờ tự. Chẳng hạn ở

các khám thờ Thần, Tả ban, Hữu ban... có cỡ chữ lớn; ở câu đối treo dọc các hàng cột, đắp lên hàng cột chữ nhỏ hơn; chữ ở các lạc khoản nhỏ nhất. Một số ngôi đình còn có hoành phi đúc bằng bê tông có chữ Hán đắp nổi (đình Mỹ Khoan, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch); cũng có khi chữ Hán làm bằng gốm hoặc dùng các mảnh gốm ghép hình chữ Hán dán lên nền xi măng... Trên chất liệu tôn, đồng chữ Hán được khắc âm, đục âm và trang trí giả gỗ (hoành phi, câu đối). Đặc biệt, một số ngôi đình còn dùng mi-ca khắc âm chữ Hán, dùng đề-can cắt câu đối chữ Hán và dán lên cột bê tông, cột gỗ. Cũng có khi nghệ nhân dùng chất liệu đá khắc âm nội dung câu đối, bài vị...

Kiểu chữ Hán Nôm ở đình làng Đồng Nai, gồm: khải (chân), hành, hành thảo, lệ, triện, trong đó hầu hết là chữ khải và ít hơn là chữ hành. Về mặt văn bản, các kiểu chữ được thể hiện giúp ích rất nhiều cho việc nghiên cứu xu hướng thẩm mỹ của người xưa trong từng giai đoạn lịch sử nhất định; làm cơ sở để so sánh về ảnh hưởng văn hóa giữa các vùng miền với nhau. Có thể thấy ngoài loại chữ theo quy ước chung của triều đình được thể hiện trong các văn bản mang tính chính thống (sắc phong), thì trong dân gian còn dùng xen loại chữ thảo (thể hiện tính phóng khoáng, tự do, bay bổng) trong các hoành phi, câu đối, văn cúng, văn tế ở đình. Tư liệu Hán Nôm dù mang tính quy chuẩn của triều đình, hay mang tính dân gian đều

là những sáng tạo tuyệt vời của cha ông góp vào việc nghiên cứu tiến trình phát triển ngôn ngữ, chữ viết của dân tộc. Các thể chữ phong phú biểu lộ được sự linh hoạt, uyển chuyển trong tính cách của người dân Nam Bộ. Điều này có thể thấy rõ trong một ngôi đình, hay một văn bản cụ thể hội đủ các loại chữ khác nhau, từ chữ khải đến chữ triện ở sắc phong, từ chữ khải đến chữ hành ở văn cúng, văn tế, hoành phi, câu đối, dù trải qua những thăng trầm của lịch sử, biến động của thời cuộc nhưng vẫn còn nguyên giá trị.

2.2. Đặc điểm của các loại hình tư liệu Hán Nôm trong đình làng

- Hoành phi

Hoành phi là một loại hình chiếm số lượng nhiều, có vị trí nổi bật trong hầu hết các đình ở Đồng Nai (thường được treo trên các cây xuyên của đình). Ngoài việc chuyển tải ý nghĩa nhân văn sâu sắc, các giá trị văn hóa, lịch sử; nó còn có tác dụng trang trí cho không gian đình làng. Câu chữ của hoành phi thường được soạn kỹ, chính xác, chuẩn mực, có nét riêng cho từng đình. Chữ trên hoành phi ngắn gọn, súc tích (thường là 3 hoặc 4 chữ), thứ tự đọc từ phải qua trái theo hướng chính diện của chủ thể. Đa số các ngôi đình cổ giữ được nhiều bức hoành phi cổ, đường nét chữ Hán đẹp, rõ. Nội dung chính của hoành phi chủ yếu tinh biểu công trạng nổi bật, hiển hách, oai linh của vị Thần gắn bó với nguồn gốc lịch sử của những nơi thờ phụng, bày tỏ sự

tôn vinh, biết ơn, ngưỡng vọng của muôn dân đối với công đức của các vị Thần; tự hào về truyền thống lâu đời của thôn ấp. Cụ thể đình Phú Hội (xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch): 萬古英靈 (Vạn cổ anh linh, tạm dịch: Linh thiêng muôn thuở), 濯厥靈 (Trạc quyết linh, tạm dịch: Rạng rỡ tối linh); 洋洋在上 (Dương dương tại thượng; tạm dịch: Uy nghi trên cao)... (xem Phụ lục, ảnh số 9).

Các bức hoành phi cũng rất đa dạng về hình thức thể hiện: Khắc âm, chạm nổi vào gỗ có trang trí họa tiết, hoa văn sống động; viết trực tiếp bằng sơn trên tấm tôn, gỗ; đúc bằng xi măng và dán chữ Hán cũng bằng xi măng. Cũng có một số bức bằng nhôm, tôn đóng trên các cây xuyên, trính của đình có kích cỡ nhỏ khoảng 40cm x 30cm được sơn màu đỏ, viết chữ Hán màu vàng các nội dung như: 風調雨順 (Phong điều vũ thuận, tạm dịch: Mưa thuận gió hòa), 國泰民安 (Quốc thái dân an, tạm dịch: Đất nước thái bình, nhân dân yên ổn), 護國庇民 (Hộ quốc tý dân, tạm dịch: Giúp nước, che chở nhân dân)...

Ở mỗi bức hoành phi thường có lạc khoản (thượng khoản nằm bên trái, ghi tên người hiến cúng; hạ khoản nằm bên phải ghi thời gian hiến cúng). Về thời gian thường ghi theo thứ tự: năm, tháng, ngày. Năm ghi dương lịch hoặc âm lịch (thường là âm lịch) như: Mậu Dần (戊寅), Quý Mão (癸卯), Nhâm Tý (壬子)... Tháng ghi theo âm lịch, một năm chia làm bốn mùa: Xuân (gồm tháng giêng, 2, 3), Hạ (gồm

tháng 4, 5, 6), Thu (gồm tháng 7, 8, 9), Đông (gồm tháng 10, 11, 12); mỗi một mùa lại có Mạnh (tháng đầu của một mùa), Trọng (tháng thứ hai của mùa), Quý (tháng thứ ba của mùa). Ví dụ: Mạnh Xuân (孟春) là tháng giêng, Trọng Thu (仲秋) là tháng tám, Quý Đông (季冬) là tháng mười hai...

- Câu đối

Nội dung chủ yếu của câu đối là ca ngợi công đức của Thần trong việc phù hộ cho dân làng được mưa thuận, gió hòa, mùa màng bội thu. Cảnh đẹp của quê hương, vẻ đẹp nguy nga của đình, uy linh của Thần, của các vị thần được phối thờ như: Tả ban, Hữu ban, Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền... Câu đối hay “đối liên” là những câu chữ Hán gồm có hai vế, theo thứ tự từ trên xuống dưới, đọc từ phải qua trái (theo hướng từ ngoài đình nhìn vào). Giữa hai vế đối có sự cân bằng về số chữ, hoàn chỉnh về niêm luật, thể hiện trong sự đối chỉnh từ hai vế, đối chỉnh trong toàn bộ câu văn, từng phần, từng tiếng, đối chỉnh cả ý và lời... Những trường hợp tên riêng đình thần, tên riêng địa danh, thường được đặt ở vị trí đầu của cặp câu đối (ghép lại cho biết địa danh cụ thể), người ta thường gọi là “quán thủ”. Trường hợp hai vế đối của đình Bình Kính (đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh quán thủ hai chữ Bình Kính) là một ví dụ cụ thể:

平奠山河黎元咸大有
鏡開疆土天下益同人

Phiên âm: Bình điện sơn hà, lê nguyên hàm đại hữu;

Kính khai cương thổ, thiên hạ ích đồng nhân.

Tạm dịch: Bình yên non sông, con dân đều giàu có;

Mở mang bờ cõi, trăm họ thảy hòa vui.

Một số câu đối có nội dung khuyên răn con người hướng tới các giá trị đạo đức, nhân văn (đình Tân Phú, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa):

善报恶报迟报速报始终有报
天知地知鬼知神知誰謂無知

Phiên âm: Thiện báo, ác báo, trì báo, tốc báo: thủy chung hữu báo

Thiên tri, địa tri, quỷ tri, Thần tri: thủy vị vô tri

Tạm dịch: Thiện báo, ác báo, báo chậm, báo nhanh: trước sau cũng có báo

Trời biết, đất biết, quỷ biết, thần biết: ai mà chẳng biết

Thường thường: vé 1 (vé trước - đặt bên phải) thì chữ cuối cùng kết thúc bằng âm trắc (chữ có dấu sắc, nặng, hỏi, ngã); vé 2 (vé sau, bên trái) thì chữ cuối cùng kết thúc bằng âm bằng (chữ có dấu huyền hoặc không dấu). Trong số các câu đối ở đình làng Đồng Nai thì số lượng chữ mỗi vé nhiều hay ít phụ thuộc vào trình độ của người đặt cũng như nội dung mà tác giả muốn chuyển tải, không có quy định cụ thể nào về số lượng chữ của mỗi câu đối. Vấn đề là có đối chỉnh giữa hai vé hay không và ý nghĩa của nó có được nhiều người chấp nhận, trường tồn cùng thời gian không. Số lượng câu đối, hình thức bố trí, nội

dung của câu đối ở mỗi ngôi đình làng khác nhau. Bởi vì những sáng tác đó gắn liền với tiếng nói, cách viết, học vấn, cuộc sống sinh hoạt của cư dân một vùng, gắn liền với đặc điểm hình thành phát triển của một ngôi đình, lịch sử một vùng đất cụ thể, do nhiều người sáng tác trong nhiều thời điểm khác nhau. Ở mỗi câu đối thường có lạc khoản (trong đó: thượng khoản ở vé trái và hạ khoản ở vé phải) ghi lại niên hiệu hiến cúng, ngày, tháng, năm, danh tánh của người (hoặc làng) cúng (chủ yếu lạc khoản ở câu đối trên chất liệu gỗ, riêng trên xi măng tạo lập sau này cũng có nhưng ít hơn).

- Sắc phong

Sắc phong là một loại văn bản của triều đình phong kiến ban tặng cho các làng, các vị Thần có công trạng cứu nước giúp dân. Một đặc điểm khác biệt của sắc thần ở Đồng Nai và sắc phong ở miền Bắc là: sắc thần ở Đồng Nai chủ yếu phong cho Thần Thành hoàng bản cảnh (không có tên tuổi rõ ràng): cùng một triều vua phong sắc thì hầu như phần đầu (lòng văn) với nội dung gần như giống nhau, chỉ khác nhau về tên làng, tên xã. Trong khi sắc phong ở miền Bắc ngoài sắc phong cho Thần Thành hoàng còn có sắc phong cho những vị thần có công tích, lai lịch rõ ràng. Do vậy, có thể thấy cùng triều vua phong sắc nhưng sắc ở miền Bắc và sắc ở Đồng Nai nói riêng, Nam Bộ nói chung có khác nhau về đặc điểm, nội dung, hình thức thể hiện... Ở Đồng Nai sắc phong thần ban cho: Thượng đẳng

thần (do triều đình ban cho Nguyễn Hữu Cảnh - người có công với dân với nước trong công cuộc khai phá mở mang bờ cõi) và Hạ đẳng thần (những vị thần có công trạng lớn giúp dân khai hoang lập ấp...). Các vị thần này được dân suy tôn, thờ phụng là Thần Thành hoàng bổn cảnh, mỹ tự phong làm “Chính Trực, Hữu Thiện, Đôn Ngưng chi Thần”. Sắc thần đình Mỹ Khoan (xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch):

敕美寬城隍之神原贈保安正直佑善之神
 神護國庇民稔著靈應肆今丕膺
 耿命緬念神庥可加贈保安正直佑善敦凝
 之神仍準福正縣美寬村依舊奉事神
 其相佑保我黎民欽哉
 嗣德五年拾壹月貳拾玖日

Phiên âm:

Sắc Mỹ Khoan Thành hoàng chi Thần, nguyên tặng Bảo an, Chính trực, Hữu thiện chi Thần. Hộ quốc tể dân, nhằm trừ linh ứng. Tứ kim phi ượng cảnh mệnh miến niệm Thần hưu, khả gia tặng Bảo an, Chính trực, Hữu thiện, Đôn ngưng chi Thần. Nhưng chuẩn Phước Chánh huyện, Mỹ Khoan thôn y cựu phụng sự. Thần kỳ tương hộ bảo ngã lê dân.

Khâm tai!

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập cửu nhật.

Tạm dịch:

Sắc cho Thần Thành hoàng làng Mỹ Khoan, vốn đã được phong là Thần Bảo an, Chính trực, Hữu thiện đã phù giúp đất nước, che chở con dân, từ lâu từng tỏ rõ linh ứng. Nay (trẫm) nói

ngiệp lớn, vâng theo mệnh trời, luôn nghĩ tới ơn Thần phù giúp, nên phong tặng thêm là Thần Bảo an, Chính trực, Hữu thiện, Đôn ngưng, vẫn chuẩn cho làng Mỹ Khoan, huyện Phước Chánh thờ phụng như lệ cũ.

Thần hãy giúp đỡ, giữ gìn con dân của trẫm.

Hãy hết lòng vâng theo sắc mệnh!

Năm Tự Đức thứ năm, tháng 11 ngày 29 (29/11/1852).

Sắc thần ở Đồng Nai được phong qua 6 đợt: Minh Mệnh nhị niên (1821), Minh Mệnh tam niên (1822), Thiệu Trị tam niên (1842), Tự Đức tam niên (1850), Tự Đức ngũ niên (1852) và Khải Định nhị niên (1917). Hiện nay, số lượng sắc còn lại ở các đình không nhiều. Số liệu điền dã của Bảo tàng Đồng Nai năm 2019 đã thống kê được 39 đạo sắc phong (xem Bảng 2). Các đạo sắc phong có giá trị về mặt lịch sử, văn hóa; ngoài ra, sắc phong còn có ý nghĩa thiết thực trong việc nghiên cứu về thư tịch học, văn bản học, ngôn ngữ học, cách in ấn thủ công; nó vừa mang yếu tố tâm linh vừa hiện hữu giữa cuộc sống thường nhật. Sắc phong thường được phong cho các vị thần, tinh biểu công trạng của thần trong việc giúp cho nhân dân an ninh phú quý, đất nước thái bình, thịnh trị. Hiện nay, một số sắc phong đã bị mục nát một phần, chữ bị mất. Sắc cũng do các đình tự bảo quản có khi để tại đình, có khi gửi ở chùa, có khi chánh tế đương nhiệm bảo quản. Một số đình đã phục chế sắc phong về thờ tự tại đình.

Bảng 2. Số lượng sắc phong ở các địa phương của tỉnh Đồng Nai

STT	Tên đình	Địa chỉ	Lễ Kỳ yên (ngày âm.)	Nội dung sắc	Số lượng
Thành phố Biên Hòa					
1	Đình Bình Long	Phường Bửu Hòa	15/11	TĐNN	1
2	Đình Mỹ Khánh	Phường Bửu Hòa	16/10	TĐNN	1
3	Đình Bạch Khôi	Phường Bửu Long	18/11	TĐNN	1
4	Đình Bình Điện	Phường Bửu Long	16/11	TĐNN	1
5	Đình Hóa An	Xã Hóa An	16/11	TĐNN	1
6	Đình Tân Phong	Phường Tân Phong	15/11	TĐNN	1
7	Đình Tân Vạn	Phường Tân Vạn	16/8	TĐNN	1
8	Đình Bình Trước	Phường Thống Nhất	15/12	KĐNN	1
9	Đình Tân Mai	Phường Thống Nhất	15/11	KĐNN	1
10	Đình Hưng Phú	Phường Hiệp Hòa	16/10	TĐNN	1
11	Đình Tân Giám	Phường Hiệp Hòa	20/10	TĐNN	1
12	Đình Tân Mỹ	Phường Hiệp Hòa	16/11	TĐNN	1
13	Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Hiệp Hòa	16/5	MMNN, TĐNN, TĐTĐ, TTTĐ	4
14	Đình Thành Hưng	Phường Hiệp Hòa	11/2	TĐNN	1
15	Đình Bình Tự	Phường Hiệp Hòa	13/11	TĐNN	1
16	Đình Bình Thiện	Phường Quang Vinh	15/10	MMNN	1
17	Đình An Hòa	Phường An Hòa	15/8	TĐNN	1
Thành phố Long Khánh					
1	Đình Xuân Lộc	Khu phố 2, Nguyễn Văn Cừ	15/2	KĐNN	1
2	Đình Tân Lập	Phường Xuân Lập	16/12	KĐNN	1
Huyện Nhơn Trạch					
1	Đình Phước Lương	Xã Phú Hữu	14/12	TĐNN	1
2	Đình Phước Khánh	Xã Phước Khánh	11/2	KĐNN	1
3	Đình An Phú	Xã Phú Thạnh	15/2	KĐNN	1
4	Đình Mỹ Khoan	Xã Hiệp Phước	16/11	TĐNN	1
Huyện Long Thành					
1	Đình Long Đức	Xã Long Đức	15/11	KĐNN	1
2	Đình Phước Nguyên	Xã An Phước	12/11	TĐNN	1
Huyện Vĩnh Cửu					
1	Đình Bình Sơn	Xã Bình Hòa	16/2	TĐNN	1
2	Đình Bình Thới	Xã Bình Hòa	16/12	TĐNN	1
3	Đình Phú Trạch	Xã Thạnh Phú	15/4	KĐNN	1
4	Đình Bình Ý	Xã Tân Bình	15/8	TĐNN	1
5	Đình Tân Thành	Xã Tân Bình	12/12	TĐNN	1
6	Đình Thành Đức	Xã Tân Bình	11/12	TĐNN	1

7	Đình Bình Lục 2	Xã Tân Bình	15/10	TĐNN	1
8	Đình Vĩnh Hiệp (đình Cẩm Vinh)	Xã Tân Bình	10/12	TĐNN	1
9	Đình Long Phú	Xã Tân Bình	15/12	KĐNN	1
Huyện Thống Nhất					
1	Đình Hưng Lộc	Xã Hưng Lộc	20/11	KĐNN	1

Ghi chú: Minh Mệnh nhị niên (MMNN), Minh Mệnh tam niên (MMTN), Thiệu Trị tam niên (TTTT), Tự Đức tam niên (TĐTN), Tự Đức ngũ niên (TĐNN) và Khải Định nhị niên (TTNN).

Nguồn: Tác giả lập từ dữ liệu thống kê của Bảo tàng Đồng Nai năm 2019.

- Văn cúng, văn tế

Văn cúng, văn tế chữ Hán là một hình thức văn tự biểu hiện tấm lòng của hậu thế đối với các bậc tiền nhân có công khai khẩn, mở mang vùng đất; các vị thần luôn che chở, bảo hộ cho quốc thái dân an... Thể loại này tồn tại như một nhu cầu của cộng đồng, được các bậc kỳ lão tự nguyện gìn giữ và lưu truyền. Hàng năm, văn cúng, văn tế được thầy lễ viết lại phục vụ cho lễ hội Kỳ yên, sau đó mang đi hóa chúc. Hiện nay, các ngôi đình ở Đồng Nai còn lưu giữ hàng trăm bản văn cúng, văn tế chữ Hán và văn cúng chữ Nôm; có một số bản văn cúng, văn tế có lịch sử lâu đời, được viết bằng mực Tàu trên giấy dó, là “bảo bối” của nhiều làng trong việc sao chép phục vụ cho cúng tế hàng năm tại các đình. Nội dung, độ dài, ngắn, hay, dở của văn cúng, văn tế ở các đình có sự khác nhau, phụ thuộc vào trình độ người soạn thảo. Một số đình không viết văn cúng, văn tế bằng chữ Hán mà phiên âm Hán Việt cho dễ đọc mỗi dịp cúng Kỳ yên.

Văn cúng đình Đại đàn đình An Hòa, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa:

曰:

神之德其盛矣乎。
人之心至誠而已。
謹設丹忱。
恭陳薄禮。
願祈來格菲儀。
賜以增隆福祉。
俾鄉村貴職康寧。
祐鄉里人民盛美。
得祿得名。
曰富曰貴。
壽以百年。
福垂萬世。
仰賴聖神之功用也。
伏惟尚享。

Tạm dịch:

Thưa rằng:

Đức thần dày dặn làm sao.

Lòng người trọn thành vậy đó.

Kính tỏ lòng son.

Cúi trình lễ nhỏ.

Xin mời cảm cách nghi hèn.

Ban xuống thêm nhiều phước tộ.

Giúp khắp làng quý chúc Khang Ninh.

Cho xóm ấp nhân dân giàu có.

Được lộc được danh.

Rằng phú rằng quí.

Thọ tới trăm năm.

Phước ban muôn thuở.

Ngẩng lạy công ơn Thánh Thần vậy.

Cúi xin thương hưởng.

Hiện nay, còn đình Bình Điện (phường Bửu Long, Biên Hòa) lưu giữ được 4 bản khắc văn cúng, văn tế cúng đình bằng chữ Hán. Hằng năm, mỗi dịp Kỳ yên, Ban Quý tế đình thường in văn cúng phục vụ cho tế lễ. Đây cũng là tư liệu để các đình trong tỉnh tham khảo khi viết văn cúng tế phục vụ lễ Kỳ yên.

Bảo tàng Đồng Nai trong công trình *Nghi và văn cúng chữ Hán ở thành phố Biên Hòa* (2013: 8, 9) cho rằng: “Nội dung của văn cúng, văn tế thường được soạn tuân thủ theo nghi thức điển lệ được quy định từ xưa, với lối hành văn bác học, xưa kia do Hội tư văn (những người giỏi chữ Hán) thừa soạn và lưu truyền”. Kết cấu một bài văn cúng, văn tế gồm: “phần đầu (lòng văn): thường nêu giờ, ngày, tháng, năm, nơi tổ chức lễ, nơi chốn tọa lạc của ngôi đình: thôn, xã, tổng, huyện; thành phần ban tế tự gồm những ai, cung kính dâng lên Thần những phẩm vật gì. Một số bản văn cúng soạn sau này thường đề: xã (phường), huyện, tỉnh (thành phố), nước Việt Nam. Phần hai (lòng linh): liệt kê danh mục những vị thần được thờ tại đình mời đến chứng lễ. Danh mục các vị thần này nhiều ít phụ thuộc vào mỗi đình. Phần ba (lòng văn): là những lời tán tụng, tinh biểu công đức của Thần. Ghi uy danh đức độ của Thần ủng hộ xóm làng, sĩ, nông, công, thương được vẹn vẻ mười mười. Sau đó bày tỏ lòng biết ơn của nhân dân

đối với thần trong việc che chở, giúp đỡ nhân dân trong suốt thời gian qua, đồng thời cầu xin Thần ban cho phước huệ, an bình, mưa thuận gió hòa, khang ninh thịnh trị trong năm tới. Câu kết của lòng văn là một câu cảm ơn Thần. Nội dung (độ ngắn - dài, hay - dở) của lòng văn phần lớn phụ thuộc vào công trạng các vị Thần, vào trình độ của người soạn thảo”.

- Bài vị

Bài vị khắc chữ Hán trên chất liệu gỗ, đá... khá đa dạng với đường nét tinh xảo, được bảo quản tốt, có ở rất nhiều đình. Bao gồm bài vị của Thần (an vị tại bàn thờ Thần ở chánh điện) thường chạm khắc mỹ tự (nội dung trích một câu trong sắc phong Thần): *Sắc Bản Cảnh Thành hoàng tôn thần nguyên tặng Bảo an, Chánh trực, Hựu thiện, Đôn ngưng chi thần* (勅本境城隍尊神原贈保安正直佑善敦凝之神). Các vị phối thờ chỉ khắc chữ Hán: *Tả ban chi vị* (左班之位), *Tiên sư chi vị* (先師之位), *Bạch mã* (白馬), *Thái giám* (太監), *Tiên sư* (先師), *Tiền hiền khai khẩn* (前賢開墾), *Hậu hiền khai cơ* (後賢開基)... Các bài vị này thường an vị tại bàn thờ.

2.3. Những hạn chế của tư liệu Hán Nôm trong đình làng

Qua thực tế khảo sát các ngôi đình ở Đồng Nai cho thấy: chữ Hán được kiến tạo, bồi đắp vào nhiều thời điểm khác nhau. Có nghĩa là trong mỗi ngôi đình có ít nhất 2 lớp thời gian kiến tạo chữ Hán (vừa có chữ Hán tạo tác trên chất liệu gỗ, vừa có chữ trên chất liệu

xi măng, tôn...). Điều này thể hiện rất rõ ở hình thức, chất liệu tạo tác, nội dung chữ Hán. Do được tạo lập vào nhiều thời điểm khác nhau, bởi nhiều người với trình độ khác nhau, trên nhiều chất liệu khác nhau, nhiều nội dung khác nhau, lại chịu nhiều tác động từ yếu tố tự nhiên, lịch sử, xã hội nên chữ Hán trong đình làng có những hạn chế nhất định:

- **Viết nhiều cách:** Một số chữ được viết theo kiểu riêng của mỗi địa phương, phong cách và thói quen của người viết... như chữ Minh 明 của nhà Minh viết là tứ (四) + nguyệt (月); chữ Nghĩa 義 (义) viết dương 羊 trên, hựu 又 dưới; chữ năng 能 (có thể), niên 年 (năm) đều viết theo nhiều cách khác nhau...

- **Viết lộn chữ:** Đây là lỗi thư pháp từ việc viết, chép lại, chạm khắc, chế tác... Có thể thấy ở nhiều đình, viết sai chữ do lỗi đồng âm: Xã tắc (社稷) viết thành (社則); trung thần (忠臣) viết thành (忠神); tài (裁) viết thành (才); vị (位) viết thành (謂); quốc gia (國家) viết thành quốc vương (國王); khai khẩn (開墾) viết thành (開懇); khoa (科) viết thành hoa (花); hóa (化) viết thành quá (過)... Lỗi do viết sang chữ khác gần giống về dạng chữ: lẫn lộn khó hiểu giữa an 安 với nữ 女; ân 恩 với tứ 思; long 龍 với sủng 寵; chữ nghiệp (業) viết dễ lầm với trà (茶), đồ (荼); hoài hy (懷稀) viết thành y hy (依稀); mai hoa (梅花) viết thành hải hoa (海花); nghi lễ (儀禮) viết thành lễ nghi (禮儀); thương sanh kích nhượng (倉生擊壤) viết lầm ra (蒼笙擊壤)... Đình Phước

Lộc (khu Cầu Xéo, huyện Long Thành) là ví dụ:

前開始恩澤神慧
後德人民德真靈

Phiên âm:

Tiền khai thủy ân trạch thần tuệ
Hậu đức nhân dân đức chân linh

Phải sắp lại thành:

前開始澤神恩慧
後澤人民真德靈

Phiên âm:

Tiền khai thủy trạch thần ân tuệ
Hậu trạch nhân dân chân đức linh

Tạm dịch:

Trước khởi ban cho: ơn thần trọng

Sau giúp rập dân: đức sáng linh

- **Sắp chữ sai chỗ:** Lỗi này có thể người thợ (thợ mộc, thợ nề) khi chế tác do không biết chữ Hán nên sắp sai, lộn vị trí. Nhiều ngôi đình làng ở Đồng Nai có hiện tượng sắp sai vị trí chữ Hán (chủ yếu đắp trên chất liệu xi măng). Nhiều chữ Hán bị sắp lộn ngược xuống dưới, hay lộn qua phải, trái... hoặc chữ thuận chiều nhưng ngược mặt trong ra ngoài (thường thấy với chữ Hán được đúc bằng xi măng, khi gắn vào vị trí bị lộn). Một số lỗi sai vị trí chữ thường gặp ở đình làng như: Thái giám (太監) bị sắp thành giám thái (監太); Tiền đại di mưu do phúc trạch (tạm dịch: người đời trước để lại phúc trạch): 前代貽謀由福澤, bị sắp thành Tiền đại mưu di do phúc trạch (前代謀貽由福澤)...

- **Sắp đặt các vị trí thờ tự bị sai:** Qua một đợt trùng tu có khi xảy ra

việc kê lộn bàn thờ, treo câu đối lạc cặp, lộn vế đối trong từng câu đối (vế phải lộn qua vế trái); lộn vế đối giữa hai câu đối khác nhau. Cũng gặp trường hợp câu đối thờ Thần nhưng được sắp xếp ở miếu thờ Thổ địa (xã Phú Thạnh, huyện Nhơn Trạch). Nội dung trong từng vế đối, trật tự câu cũng có chỗ bị chấp nhật, vay mượn, không khớp với nội dung tổng thể. Hiện tượng không khớp đối, âm luật không chặt trong từng vế đối làm cho câu đối bị méo mó, hiểu sai. Trật tự của từng câu chữ trong câu đối ở các bức khám thờ cũng có nhiều vấn đề cần điều chỉnh lại. Một số hoành phi, câu đối chữ Hán làm mới không tuân thủ nguyên tắc viết chữ Hán từ phải qua trái khiến cho đình làng mất đi vẻ cổ kính vốn có của nó. Ngay trong các bức hoành phi, câu đối cổ cũng có nhiều lỗi. Điển hình như một số đình ở huyện Nhơn Trạch: Phong huy thiên sủng (風徽天寵) (Phong tục tốt thì Trời ban ơn) viết thành Phụng vi thiên sủng (鳳衛天寵)...

- **Tô vẽ sai:** Do quá trình tồn tại lâu dài nên chữ bị mờ, nhiều đình sơn sơn thép vàng lên gỗ (cũng có khi dùng sơn công nghiệp phủ lên); nhiều chữ Hán được viết lên tường lâu ngày bị mờ, dùng sơn tô vẽ lên (người tô vẽ không biết chữ Hán)... do vậy làm cho chữ biến dạng (mờ, mất nét, thêm nét, tô sai chữ Hán) rất khó đọc, khó nhận diện. Trên chất liệu xi măng chữ được khắc cạn theo đường viền quanh nét, sau đó tô sơn khiến chữ bị sai, méo mó. Qua nhiều lần tô vẽ dễ xảy ra làm

chỗ trống với nét chữ, sinh ra bỏ nét chữ mà tô chỗ trống... Có thể thấy: chữ khẩu (口) tô thành viết (田), thượng hạ (上下) tô thành thổ hạ (土下), quốc (國) tô thành viên (園)...

- **Nội dung:** Có sự trùng lặp về chữ Hán (trường hợp những ngôi đình trùng tu sau này) ở các hạng mục như: cột hàng hiên, cổng, hậu điện...). Nguyên nhân là các đình nhờ thầy lễ, người biết chữ Hán chép lại từ các đình khác về áp dụng cho đình của mình. Có trường hợp chép nguyên nội dung của đình khác về tạo tác trên chất liệu xi măng ở cổng đình, tiền đình, hậu điện. Cũng có đình chép lại nguyên văn câu đối ở đình khác và thay 2 chữ đầu của 2 vế đối làm câu đối mới cho đình làng. Trường hợp này phổ biến ở các đình làng Đồng Nai. Bởi người biết chữ Hán trong làng rất ít, chủ yếu phải đi nhờ người ở các địa phương khác. Qua khảo sát cho thấy: ít đình làng nhờ người biết chữ Hán viết câu đối chuyên tải, gửi gắm các thông điệp cho mọi thế hệ; mà chủ yếu sao chép, vay mượn từ các địa phương khác. Theo các vị bô lão, nguyên nhân do điều kiện kinh tế, chiến tranh, vị thế chữ Hán trong cộng đồng, nhận thức về vai trò của tư liệu Hán Nôm còn hạn chế...

Kiểu chữ ở đình mang tính khuôn khổ, chuẩn mực, ít sáng tạo. Câu chữ răn dạy chiếm số lượng nhiều, chữ ít nhưng lời rõ, ý sâu. Một số đình mới xây dựng sau này viết hoành phi, câu đối bằng cách phiên âm chữ Hán ra chữ Quốc ngữ. Hình thức thể hiện:

đắp nổi bằng xi măng, cũng có khi viết bằng sơn đỏ, sơn vàng lên cột gỗ, cột xi măng. Nội dung phần phiên ra Quốc ngữ có nhiều vé lạc chỗ; văn cúng tế chữ Hán, chữ Nôm lẫn lộn (ví dụ như văn cúng đình An Hòa 天依阿羅演祀主玉光灵粹精尊神; phiên âm: Thiên Y A Na Diễn Bà Chúa Ngọc Quang Linh Túy Tinh tôn Thần; tạm dịch: Thiên Y A Na Bà Chúa Ngọc Quang Linh Túy Tinh Tôn Thần). Một số ngôi đình do sợ bị mất cắp các hoành phi, câu đối bằng gỗ nên chúng được tháo xuống đem cất vào kho (khi lễ Kỳ yên mới được đem ra treo lên).

- Công tác bảo tồn di sản Hán Nôm:

Trên thực tế, tư liệu Hán Nôm ở đình làng do cộng đồng tự bảo quản. Trải qua thời gian nhiều bản bị xuống cấp khiến cho khó nhận diện. Có thể thấy sắc phong trong đình làng do nhân dân quá tin vào sự linh ứng của sắc mà nhiều đời không khai sắc, khiến cho mối xông hư hại. Cũng có trường hợp một số đình tự ý thêm chữ Hán vào trong nội dung sắc thần Tự Đức ngũ niên (1852). Hoặc do không biết chữ Hán nên nhiều đình chỉ nghe nói là đình mình thờ vị tướng tên Lê Dân (黎民); nhưng thực chất ở đây Lê dân là từ mang nghĩa “con dân”. Nhiều ngôi đình ở Đồng Nai đã tự ý phục chế sắc thần đem về thờ tại đình (điều này sẽ khiến cho các thế hệ sau này sẽ hiểu lầm là sắc thật. Vì trong sắc không ghi là sắc phục chế). Các bản văn cúng, văn tế sau khi cúng xong sẽ hóa chúc; có tình trạng “tam sao thất bản”, nhiều đình không dùng bản văn

cúng chữ Hán mà nhờ người viết luôn chữ Việt cho dễ đọc. Nhiều bức hoành phi, câu đối bằng gỗ bị mục nát, một số đình không có điều kiện bảo dưỡng, phục chế nên đã bỏ đi hoặc thay mới bằng xi măng. Tình trạng người tô vẽ, trang trí đình do không biết chữ Hán làm sai lệch nội dung, ngữ nghĩa. Một số đình khi trùng tu đã thay mới các câu đối chữ Hán bằng chữ Việt... Công tác quản lý, dịch thuật Hán Nôm ở các ngôi đình làng chưa được cơ quan quản lý, người dân thực hiện đồng bộ. Ngoài 15 ngôi đình được xếp hạng, tư liệu Hán Nôm được dịch thuật bài bản, các đình còn lại tùy theo nhu cầu của mỗi đình mà Ban Quý tế nhờ người dịch. Do vậy, giá trị của tư liệu Hán Nôm đình làng chưa được khai thác đúng mức.

3. KẾT LUẬN

Tư liệu Hán Nôm trong các ngôi đình làng của người Việt ở Đồng Nai là sản phẩm, thành quả của cộng đồng làng xã, có lịch sử gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai. Tư liệu Hán Nôm mang giá trị văn hóa, lịch sử; là tài sản chung, là sản phẩm tinh thần của cộng đồng được kết tinh bởi tri thức cộng đồng thể hiện qua nội dung ngữ nghĩa từng câu chữ, kỹ thuật chế tác, mỹ thuật, chất liệu, hình thức thể hiện... Hầu hết 123 ngôi đình làng đều có tư liệu Hán Nôm, tuy nhiên, số lượng, nội dung, hình thức có sự khác nhau ở mỗi ngôi đình. Những ngôi đình ở vùng đất cổ (Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch) thì tư

liệu Hán Nôm đa dạng, phong phú, hàm chứa nhiều giá trị, các huyện còn lại, tư liệu Hán Nôm ít hơn, thời gian kiến tạo muộn hơn (vì đa số đình làng ở đây ra đời vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX). Một trong những đặc điểm chung của tư liệu Hán Nôm là gắn liền với đình làng, ra đời vào nhiều thời điểm khác nhau, là sản phẩm của nhiều lớp cư dân (nhà Nho, thầy đồ...), chữ Hán Nôm được thể hiện ở nhiều hình thức khác nhau, đa dạng về thể loại (sắc phong, hoành phi, câu đối...), phong phú về nội dung (mang tính bác học, bình dân), được cộng đồng không ngừng gìn giữ, trao truyền, bổ sung; nó mang các giá trị văn hóa, lịch sử, khoa học... Tư liệu Hán Nôm có những đóng góp lớn trong nghiên cứu

lịch sử, kinh tế, văn hóa Đồng Nai cũng như văn hóa Nam Bộ. Tư liệu Hán Nôm phản ánh được nhận thức, trình độ (về mặt chữ nghĩa), thẩm mỹ, quan niệm về cái đẹp... của người dân nói chung và một bộ phận những nhà Nho nói riêng trong một giai đoạn lịch sử nhất định. Qua số lượng hiện hữu của tư liệu Hán Nôm cũng thấy được tay nghề của đội ngũ nghệ nhân dân gian xưa trong việc chế tác trên các chất liệu gỗ, đá, tường vôi... Trải qua thời gian tư liệu Hán Nôm dần có mai một, biến đổi nhưng hầu như vẫn bảo lưu được các giá trị văn hóa vốn có. Điều này cũng phản ánh được nhận thức chung của cộng đồng trong vấn đề bảo tồn di sản văn hóa nói chung và di sản Hán Nôm nói riêng. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bảo tàng Đồng Nai. 2013. *Nghi và văn cúng chữ Hán ở thành phố Biên Hòa*. Lý Việt Dũng phiên âm, dịch nghĩa, chú giải. Đồng Nai: Nxb. Đồng Nai.
2. Lương Văn Lựu. 1972. *Biên Hòa sử lược toàn biên*. Tài liệu đánh máy tại Bảo tàng Đồng Nai.
3. Trần Quang Toại (chủ biên). 2004. *Đồng Nai di tích lịch sử văn hóa*. Đồng Nai: Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

PHỤ LỤC



Ảnh 1. Sắc Thần đình Hóa An thành phố Biên Hòa. Nguồn: Tác giả.



Ảnh 2. Nghi thức khai sắc thần đình Bình Thiêng thành phố Biên Hòa. Nguồn: Tác giả.



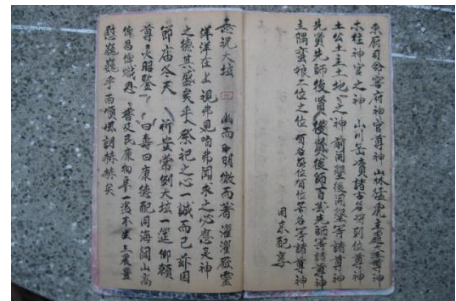
Ảnh 3. Hoành phi, liễn đối trong đình An Hòa thành phố Biên Hòa. Nguồn: Tác giả.



Ảnh 4. Hoành phi trang trí trong đình Phú Hội, huyện Nhơn Trạch. Nguồn: Tác giả.



Ảnh 5. Bài vị tại đình Phước Thọ, xã Long Thọ, huyện Nhơn Trạch. Nguồn: Tác giả.



Ảnh 6. Văn cúng đình. Nguồn: Tác giả.



Ảnh 7. Khuôn in văn cúng đình. Nguồn: Tác giả.



Ảnh 8. Nghi thức thỉnh sắc thần đình Mỹ Khovan, huyện Nhơn Trạch. Nguồn: Tác giả.



Ảnh 9. Nghi thức thỉnh sắc thần đình Phú Hội, huyện Nhơn Trạch. Nguồn: Tác giả.